

Bản án số: 62/2022/HS-ST  
Ngày 07/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Cơ Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Quách Thị Bích Nga
2. Ông Bùi Văn Chiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Diệu Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

H A N (tên gọi khác: Không); sinh ngày 22/12/1967, tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Hộ khẩu thường trú: x Tôn Đức Thắng, Phường x, thành phố xx, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở: xx Lưu Hữu Phước, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông H X H (chết) và bà B A N; bị cáo có chồng tên là P H C, có một con sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2022, đến ngày 22/4/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Ông T V C, sinh năm 1980; địa chỉ: xx Nguyễn Phúc Chu, Phường x, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nguyên thuộc sở hữu hợp pháp của đối tượng H A N nhưng vào ngày 23/8/2019, đối tượng đã bán căn nhà trên cho ông N T H M với giá 2.875.000.000 đồng. Đến ngày

07/10/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã cập nhật đăng ký thay đổi chủ sở hữu sang tên cho vợ chồng ông N T H M và bà Đ T K A.

Sau khi đã bán nhà cho ông M, bà A vào tháng 8 năm 2019; đến tháng 9 năm 2019, đối tượng N có hỏi mượn tiền của ông T V C nhưng ông C không đồng ý (đối tượng N quen ông C là do trước đây đối tượng có nhờ ông C thế chấp căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền ngân hàng trả nợ nhưng không được). Do nghĩ đối tượng N còn là chủ sở hữu căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông C nói với đối tượng N là nếu đồng ý bán căn nhà này thì ông C sẽ mua.

Do cần tiền tiêu xài, đối tượng N nảy sinh ý định gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của ông C bằng thủ đoạn giấu giếm thông tin, không cho ông C biết mình đã bán căn nhà này cho người khác nên đối tượng nói đồng ý bán căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông C với giá 2.500.000.000 đồng mặc dù lúc này đối tượng N không còn là chủ sở hữu hợp pháp căn nhà trên. Do tin tưởng đối tượng N nên ngày 21/10/2019, ông C đã đưa cho đối tượng số tiền 100.000.000 đồng tại nhà số 377-377 Bis Minh Phụng, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và lập giấy đặt cọc mua bán nhà và đất ghi ngày 20/10/2019 giữa đối tượng N và ông C với nội dung: *“H A N bán nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cho anh T V C với giá 2.500.000.000 đồng, anh C đưa trước số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng cho N và trong thời hạn 01 tháng sẽ ra công chứng làm thủ tục sang tên chủ quyền nhà và đưa hết số tiền còn lại”* (trong khi trước đó ngày 07/10/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã cập nhật đăng ký thay đổi chủ sở hữu sang tên cho vợ chồng ông N T H M và bà Đ T K A).

Sau 01 tháng, thấy đối tượng N không thực hiện hợp đồng đặt cọc, ông C tìm hiểu thì được biết căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã được đối tượng N bán cho người khác từ trước khi ông C tiến hành đặt cọc mua bán với đối tượng N. Do đó, ông C tìm đối tượng N để đòi lại tiền đặt cọc nhưng không được. Đến tháng 02/2020, đối tượng N trả lại cho ông C 10.000.000 đồng và bỏ trốn.

Ngày 16/6/2020, ông C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của đối tượng N. Ngày 26/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp chuyển đơn tố giác trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 04/5/2021, Cơ quan điều tra Công an Quận 11 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với H A N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ra Quyết định truy nã. Đến ngày 13/4/2022, H A N bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, bị can H A N thừa nhận căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã bán cho ông N T H M vào ngày 23/8/2019 nhưng ngày 20/10/2019, bị can N vẫn gian dối ký

Hợp đồng đặt cọc bán căn nhà này cho ông T V C và nhận số tiền 100.000.000 đồng của ông C vào ngày 21/10/2019.

Trong quá trình điều tra, bị can N khai việc ký kết hợp đồng đặt cọc và nhận tiền cọc thực chất là hợp đồng vay mượn tiền với ông C chứ không phải là hợp đồng đặt cọc mua bán nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị can N thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của bị can N là đúng sự thật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã tiến hành cho bị can N và ông C đối chất để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của bị can với yêu cầu tố cáo của ông C; tuy nhiên, cả hai vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Vật chứng hiện đang thu giữ gồm:

- Một điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9 là tài sản cá nhân của bị can N.
- Một đĩa VCD ghi âm, ghi hình vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông T V C yêu cầu bị can H A N bồi thường số tiền 90.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 59/CT-VKSQ11 ngày 05/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố bị can H A N tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo H A N thừa nhận hành vi phạm tội, có lời khai phù hợp với các lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là ông T V C có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra. Ông C xác định ban đầu bị cáo có nhờ ông làm thủ tục vay tiền tại ngân hàng nhưng không được, sau đó, bị cáo có hỏi mượn tiền nhưng ông C không đồng ý và chỉ đồng ý mua nhà nếu bị cáo đồng ý bán nhưng đến khi giao nhận tiền đặt cọc thì là thời điểm bị cáo đã bán xong nhà cho người khác nhưng lại không nói cho ông C biết. Ông C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 90.000.000 đồng. Do bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả, nộp số tiền 45.000.000 đồng nên bị hại xin bãi nại cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông C số tiền 90.000.000 đồng.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng như sau: Trả lại cho bị cáo một điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9; tiếp tục kê biên số tiền 45.000.000 đồng do bị cáo H A N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho ông T V C; đề nghị xem xét buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 21/10/2019, tại số nhà 377-377 bis Minh Phụng, Phường 10, Quận 11, bị cáo H A N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là bán căn nhà số xx Nguyễn Du, Phường x, quận Gò Vấp trong khi căn nhà đã bán cho ông N T H M và bà Đ T K A từ ngày 23/8/2019, không còn thuộc quyền sở hữu của bị cáo, làm cho ông T V C tin tưởng giao số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng. Khi ông C phát hiện và yêu cầu trả lại tiền thì bị cáo chỉ trả lại 10.000.000 đồng rồi bỏ trốn.

Tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 100.000.000 đồng.

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhằm mục đích giữ lại để tiêu xài.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi, lười lao động, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị và giáo dục bị cáo, đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt của ông T V C số tiền 100.000.000 đồng nên thuộc tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả và được bị hại bãi nại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là một điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9 là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết trả lại cho bị cáo.

- Đối với vật chứng là một đĩa VCD ghi âm, ghi hình quá trình điều tra vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 lưu vào hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều

107 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đã xử lý vật chứng đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông T V C yêu cầu bị cáo H A N bồi thường số tiền là 90.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại. Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 90.000.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo H A N đã tự nguyện làm đơn và nộp số tiền 45.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 (Biên lai thu số AA/2021/0020333 ngày 30/8/2022) để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả theo yêu cầu của ông T V C. Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành Lệnh kê biên tài sản số 03/2022/LKB-TAQ11 ngày 30/8/2022. Căn cứ Điều 128, và Điều 279 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân Quận 11 xử lý vật chứng đúng quy định.

Số tiền mà bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho ông C là ít hơn số tiền mà ông C yêu cầu bồi thường, do đó, Hội đồng xét xử xử lý giao số tiền trên cho ông T V C; bị cáo H A N còn phải tiếp tục nộp số tiền chênh lệch để bồi thường, khắc phục hậu quả là 45.000.000 đồng.

[5] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo H A N, điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 11, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo H A N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo H A N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án nhưng được trừ vào số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2022 đến ngày 22/4/2022.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Lưu vào hồ sơ vụ án một đĩa VCD ghi âm, ghi hình vụ án.

Trả lại cho bị cáo H A N một điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi 9 (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 48/LNK-CSHS ngày 14/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11).

Căn cứ Điều 106, Điều 128 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo H A N bồi thường cho ông T V C số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng); trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật nhưng được trừ vào số tiền 45.000.000 đồng do bị cáo H A N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 theo Lệnh kê biên tài sản số 03/2022/LKB-TAQ11 ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận 11 để thi hành án phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T V C (theo Biên lai thu số AA/2021/0020333 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11). Bị cáo H A N còn phải nộp số tiền chênh lệch là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Cơ Dũng**